A person wearing a traditional conical hat and a light-colored shirt is walking through a field. They are carrying a large basket on a shoulder pole. The background shows a vast, open field with some trees in the distance.

# CHƯƠNG 3

## CUNG SẢN PHẨM VÀ GIÁ CẢ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

# I. PHÂN LOẠI CHI PHÍ SẢN XUẤT

Nhắc lại một số khái niệm về chi phí.

TC

TVC

TFC

MC

Total

Cost

Variable

Fix

Marginal

Average

ATC

AVC

AFC

TR

MR

Revenue

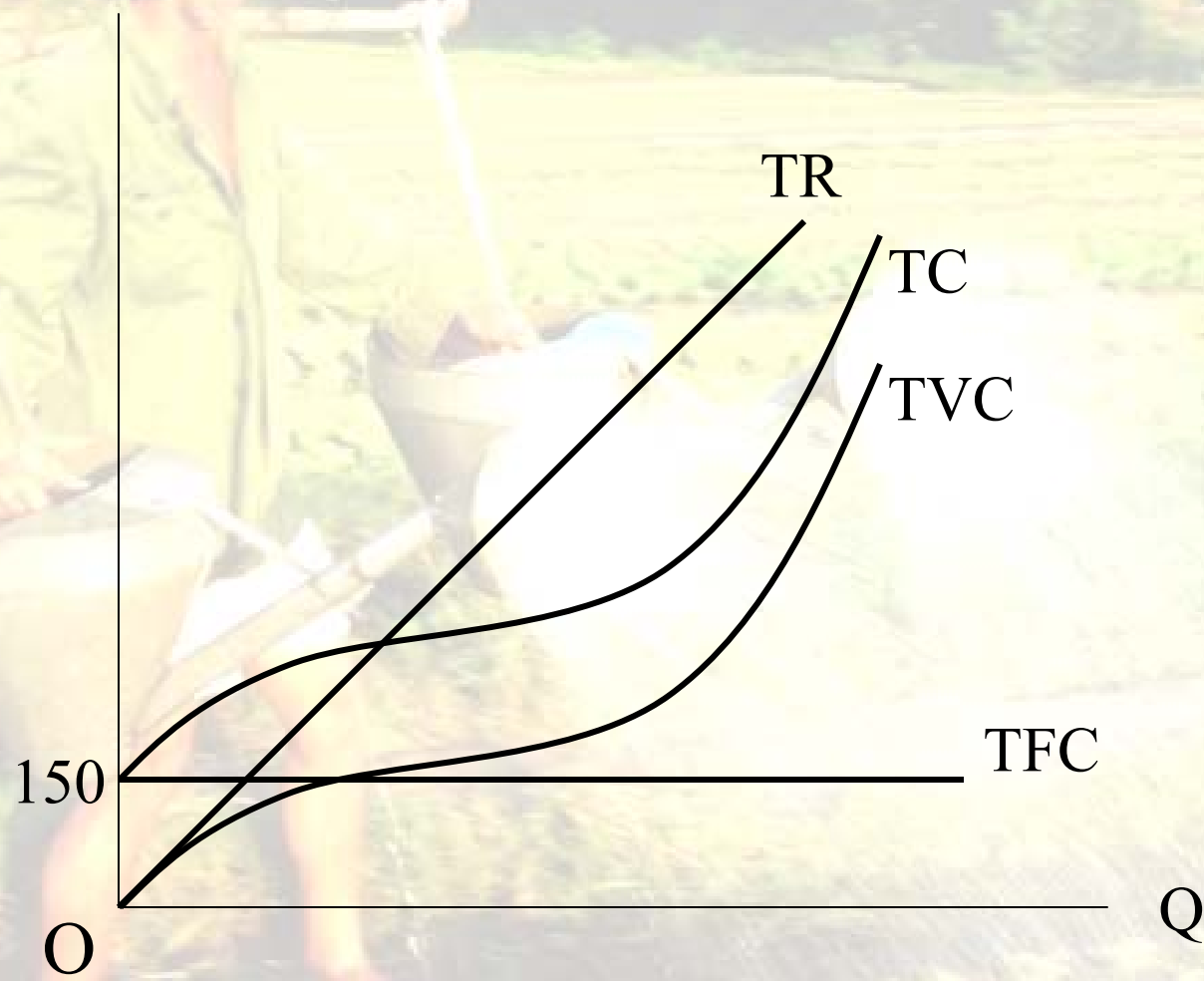
# Bảng 3.1. Chi phí sản xuất của xí nghiệp

Q	$X_1$	TVC	TFC	TC
0	0			150
100	11,6			208
200	17,6			238
300	22,8			264
400	28,0			290
500	34,5			322,5
600	43,9			369,5
700	57,8			439
800	90			600
810	100			650

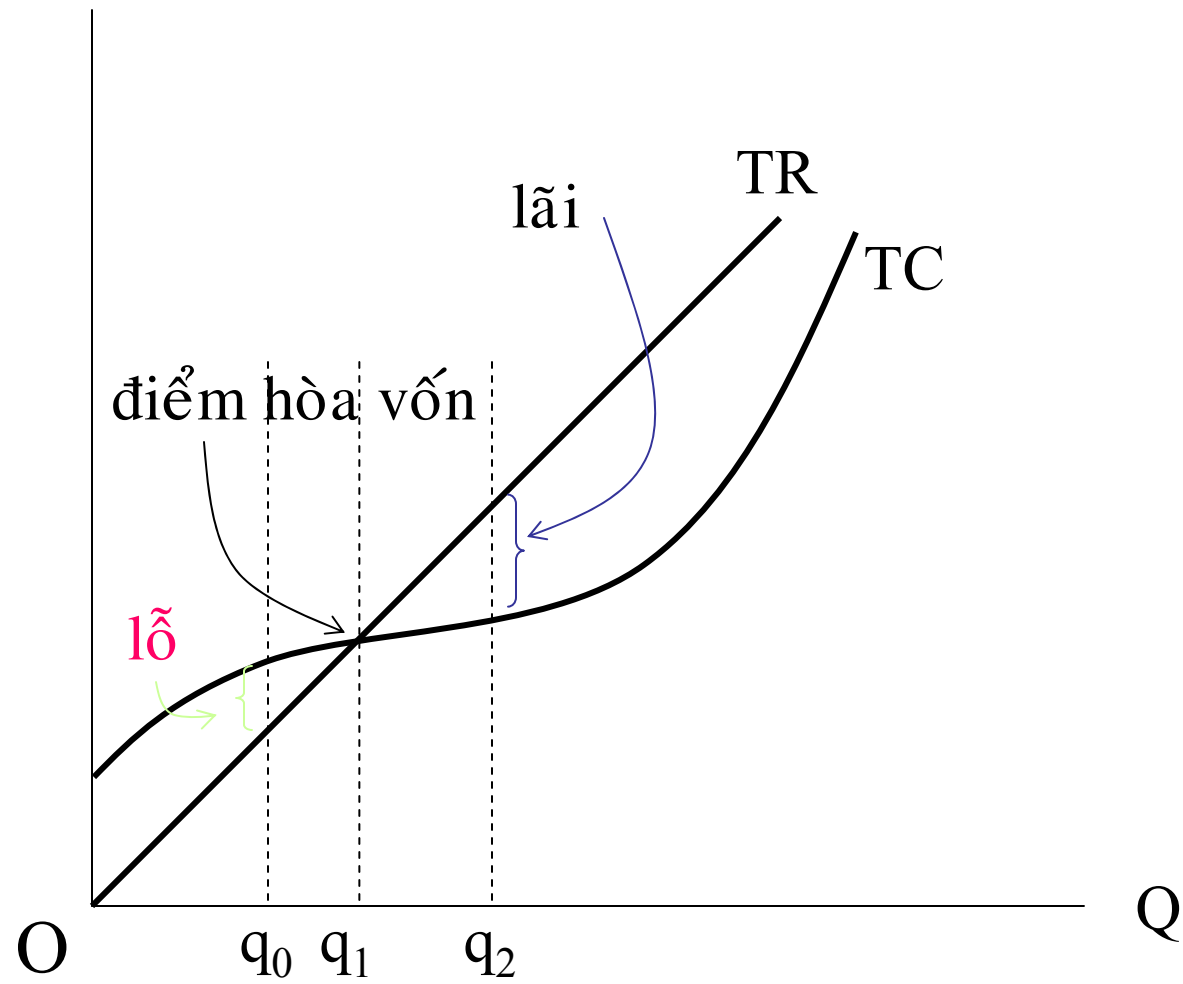
Bảng 3.2. Doanh thu, chi phí và lợi nhuận

Q	TR	TC	$\pi$
0	0	150	-150
100	100	208	-108
200	200	238	-38
300	300	264	36
400	400	290	110
500	500	322,5	177,5
600	600	369,5	230,5
700	700	439	261
800	800	600	200
810	810	650	160

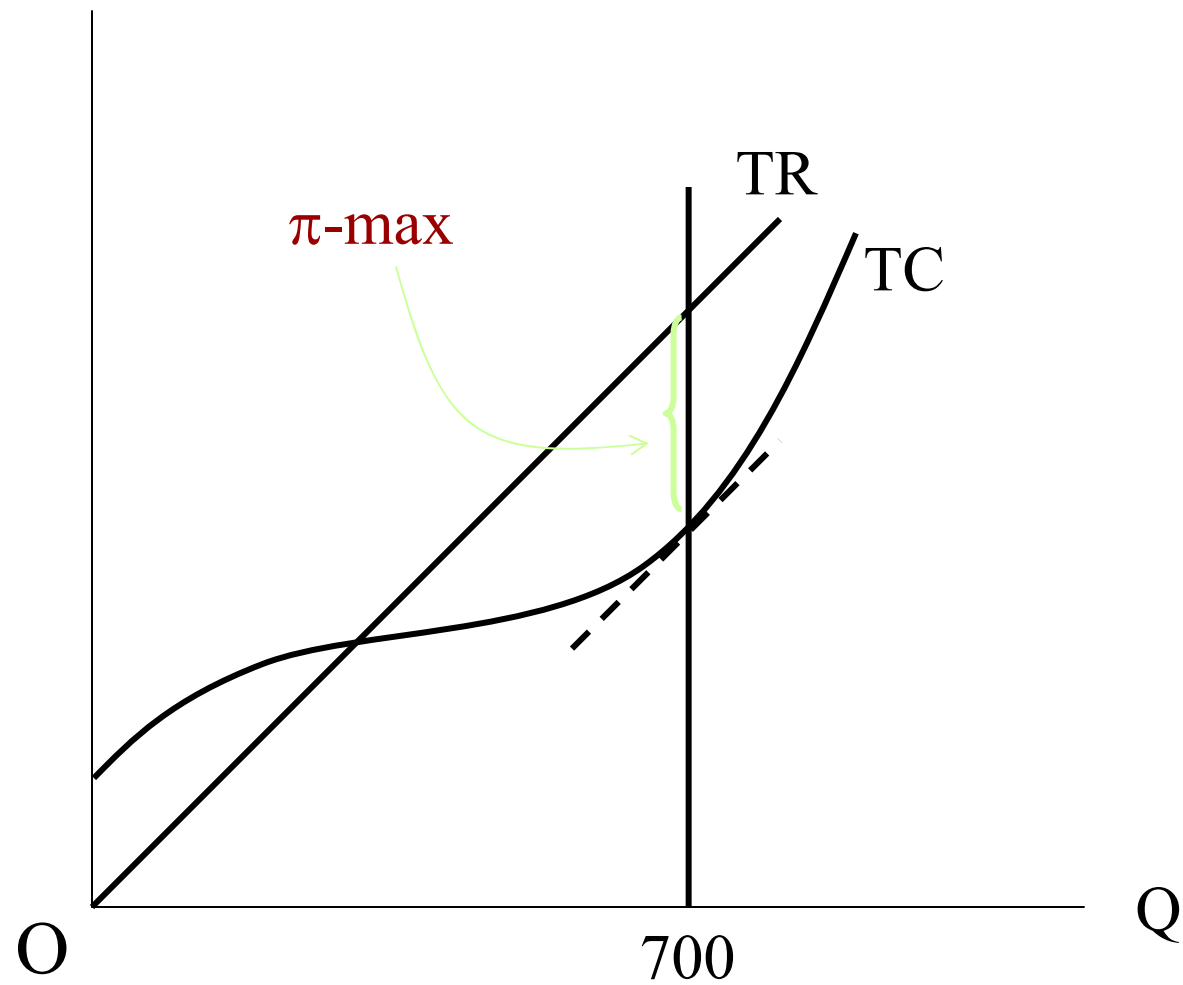
TC, TR

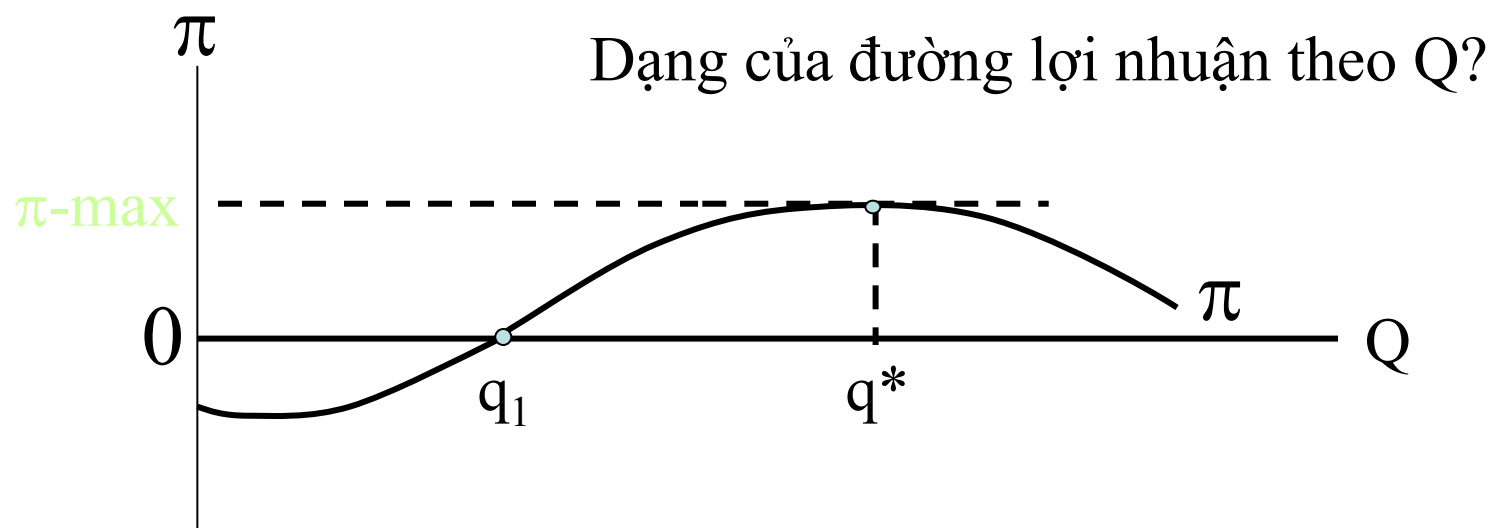
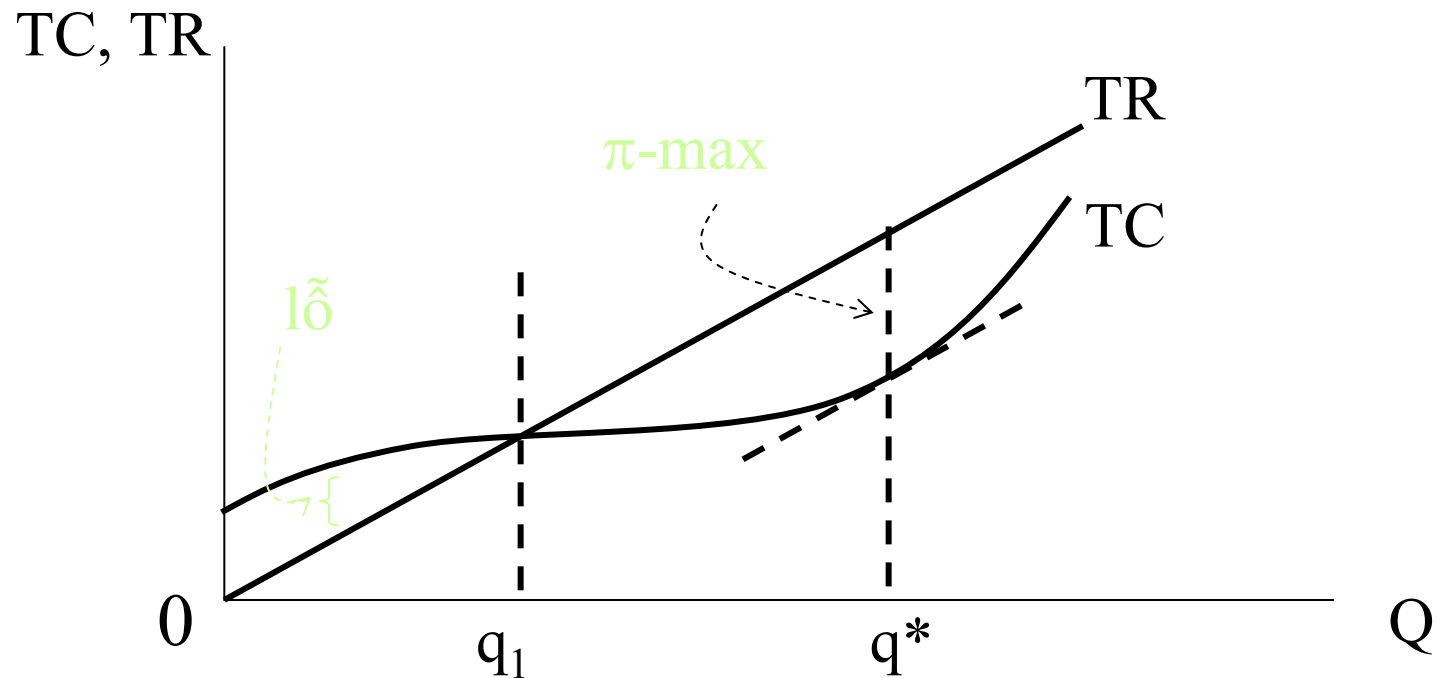


TC, TR



TC, TR





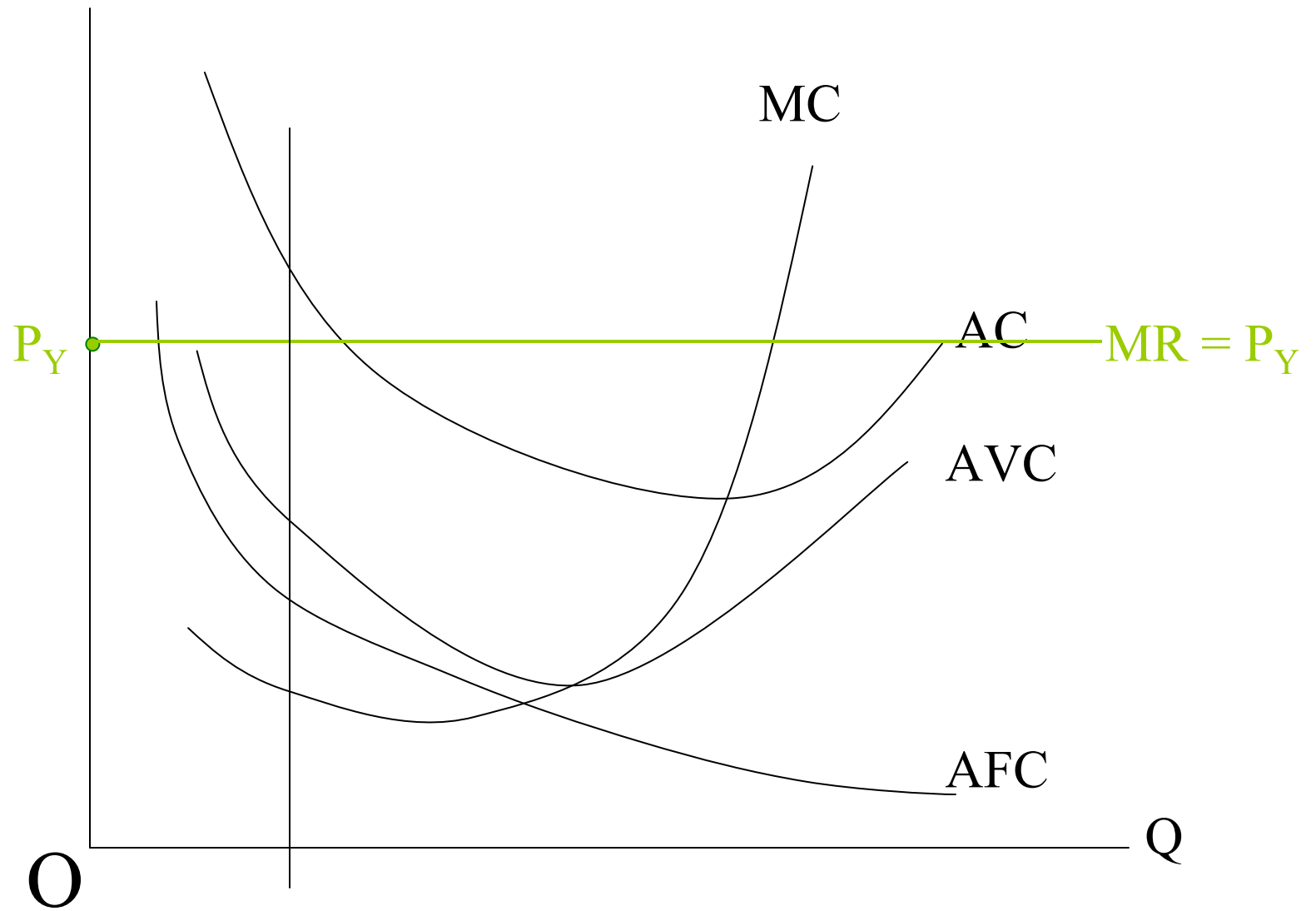
Hình. Lợi nhuận của xí nghiệp



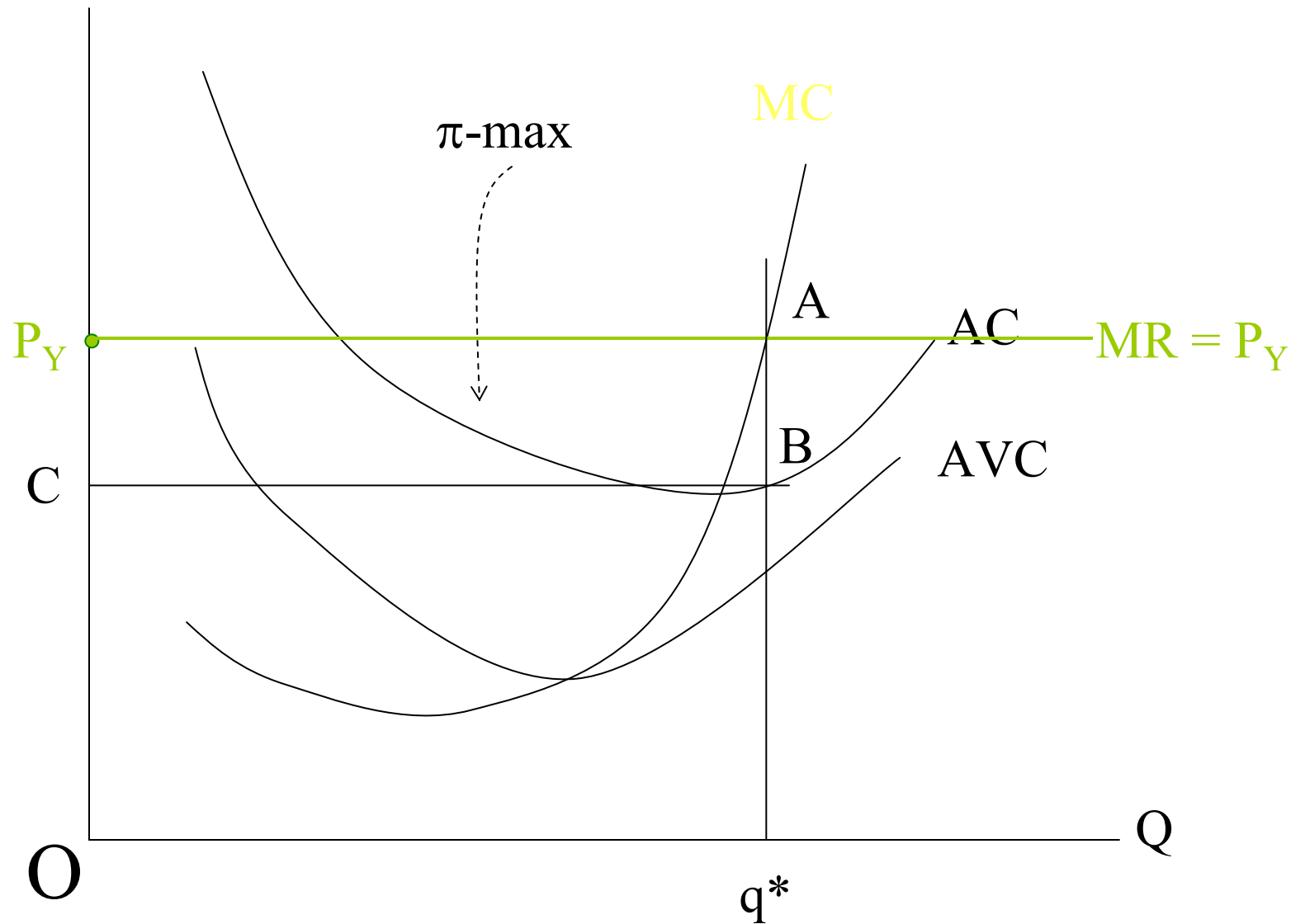
Bảng chi phí và doanh thu của 1 đơn vị sản phẩm

Q	AVC	AFC	AC	MC	MR
0	-	-	-		1
100	0,58	1,5	2,08		1
200	0,44	0,75	1,19		1
300	0,38	0,5	0,88		1
400	0,35	0,38	0,73		1
500	0,35	0,3	0,65		1
600	0,37	0,25	0,62		1
700	0,41	0,21	0,63		1
800	0,56	0,19	0,75		1
810	0,62	0,18	0,8		

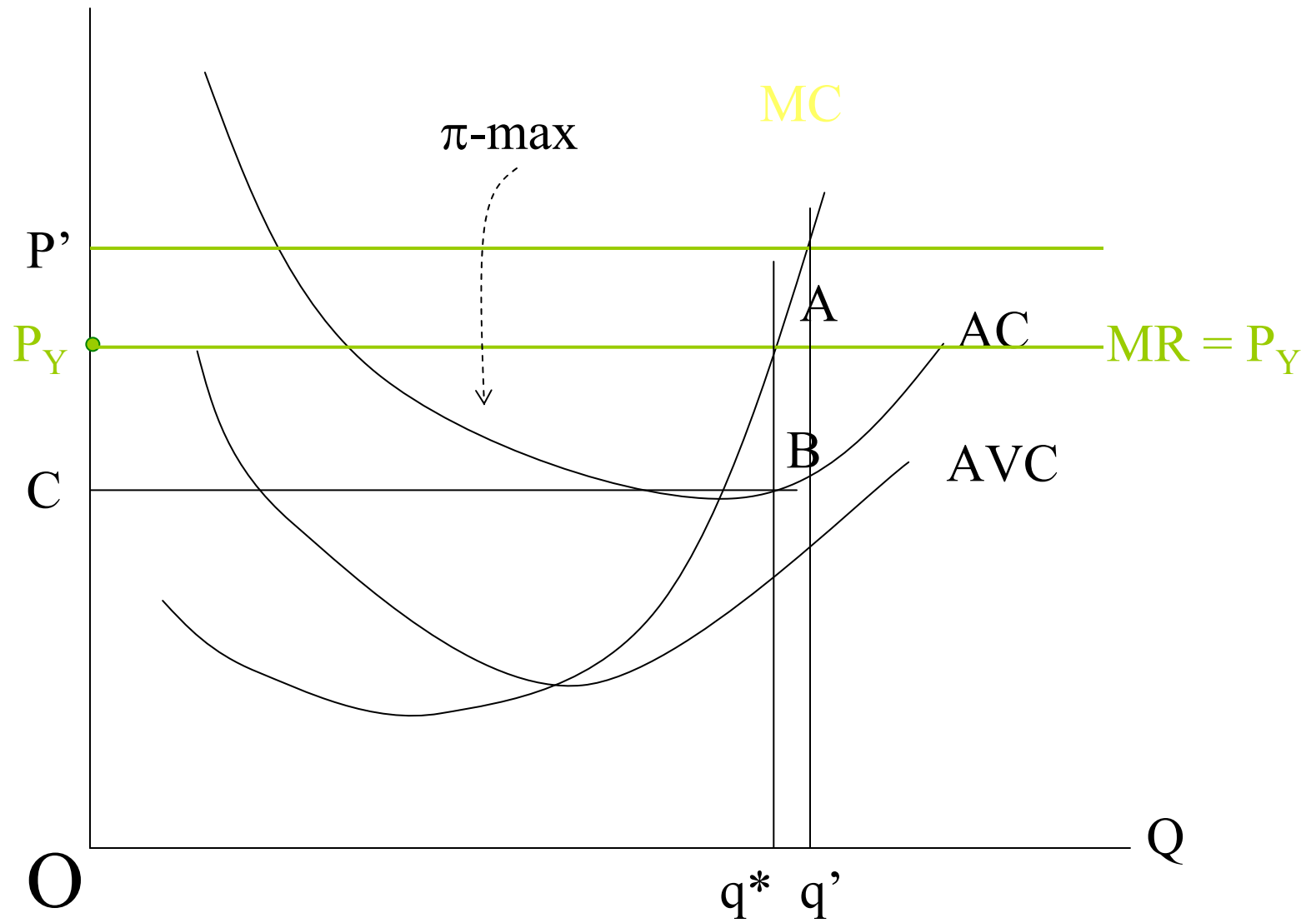
# AFC, AVC, AC, MC



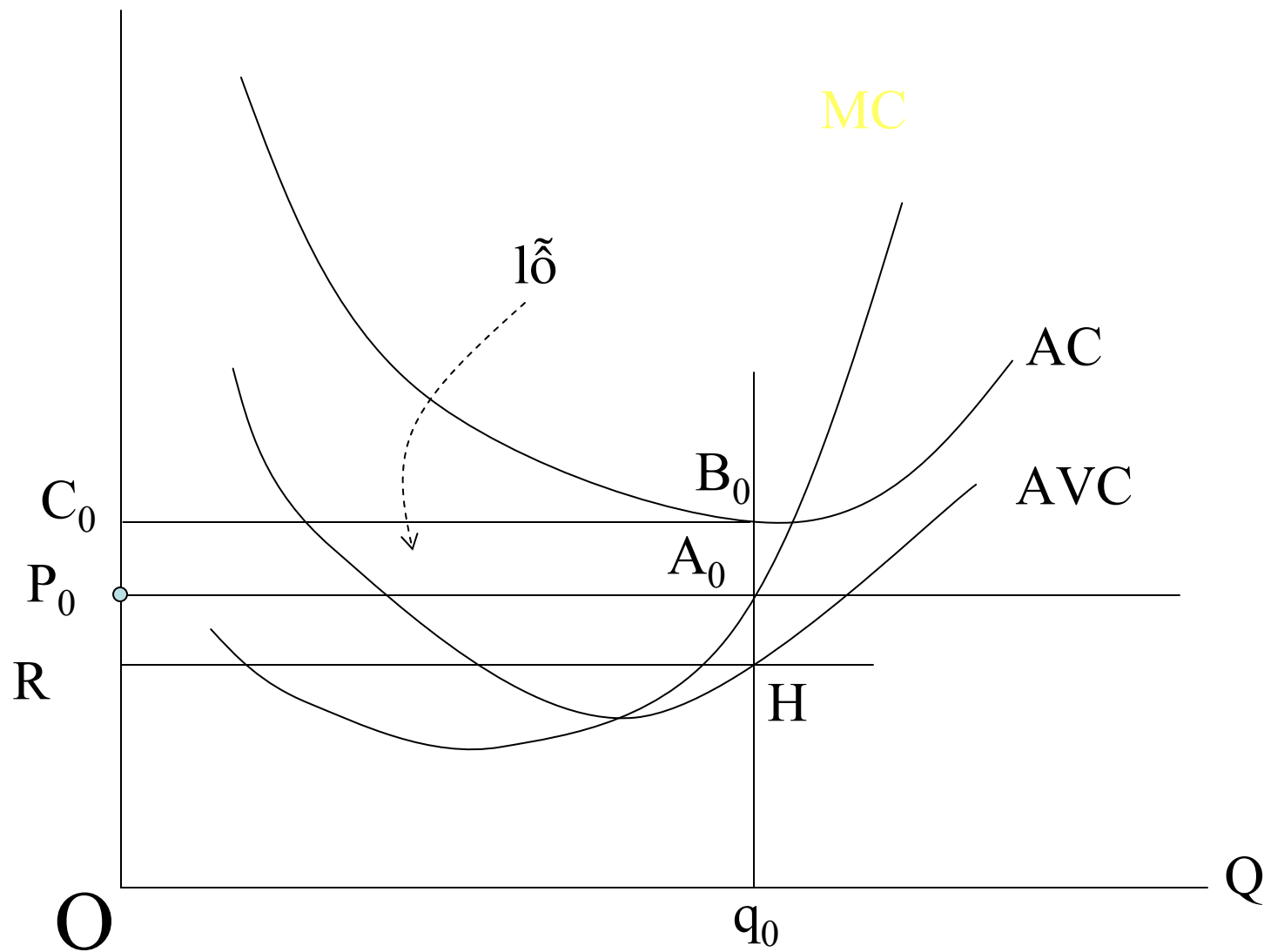
# AFC, AVC, AC, MC



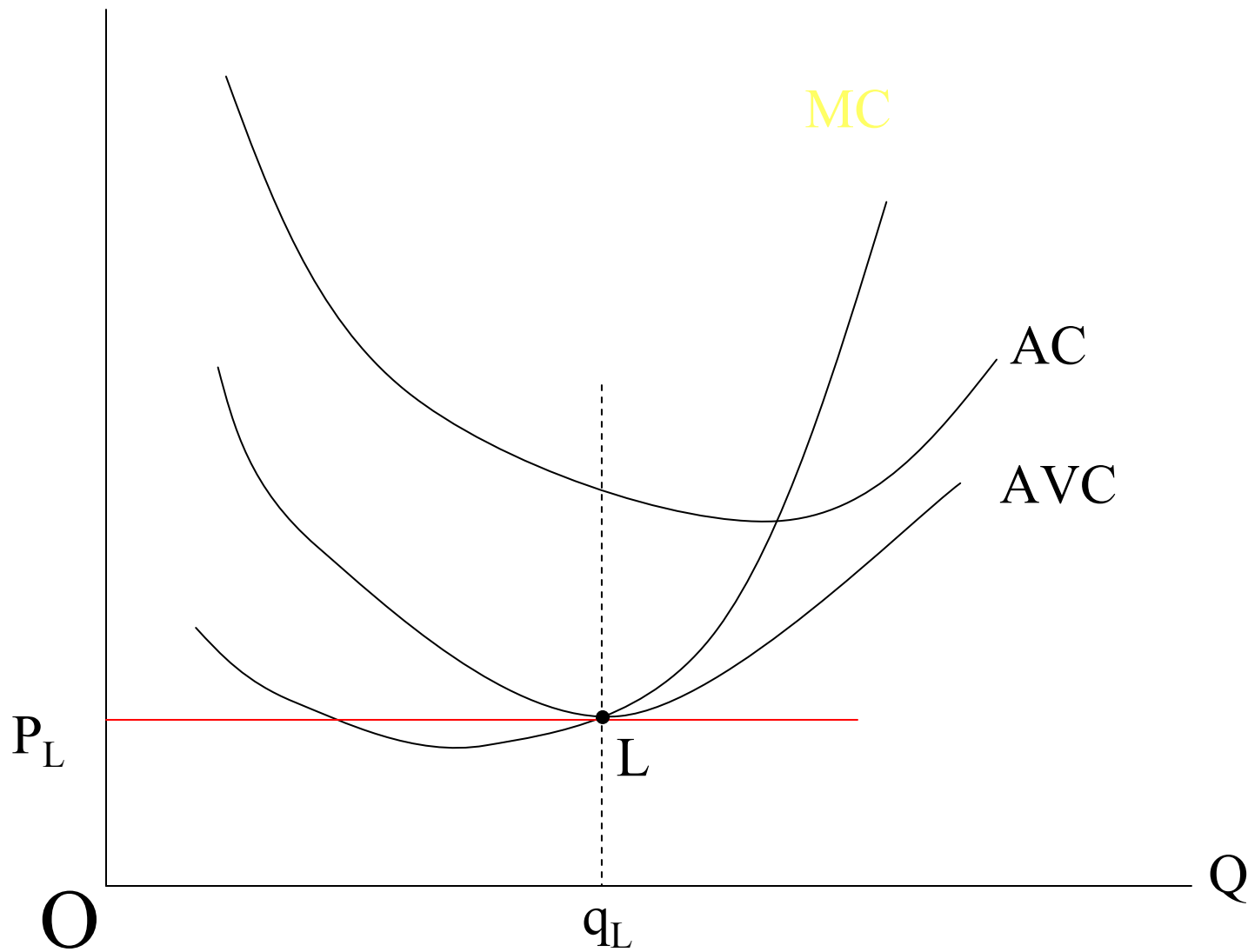
# AFC, AVC, AC, MC



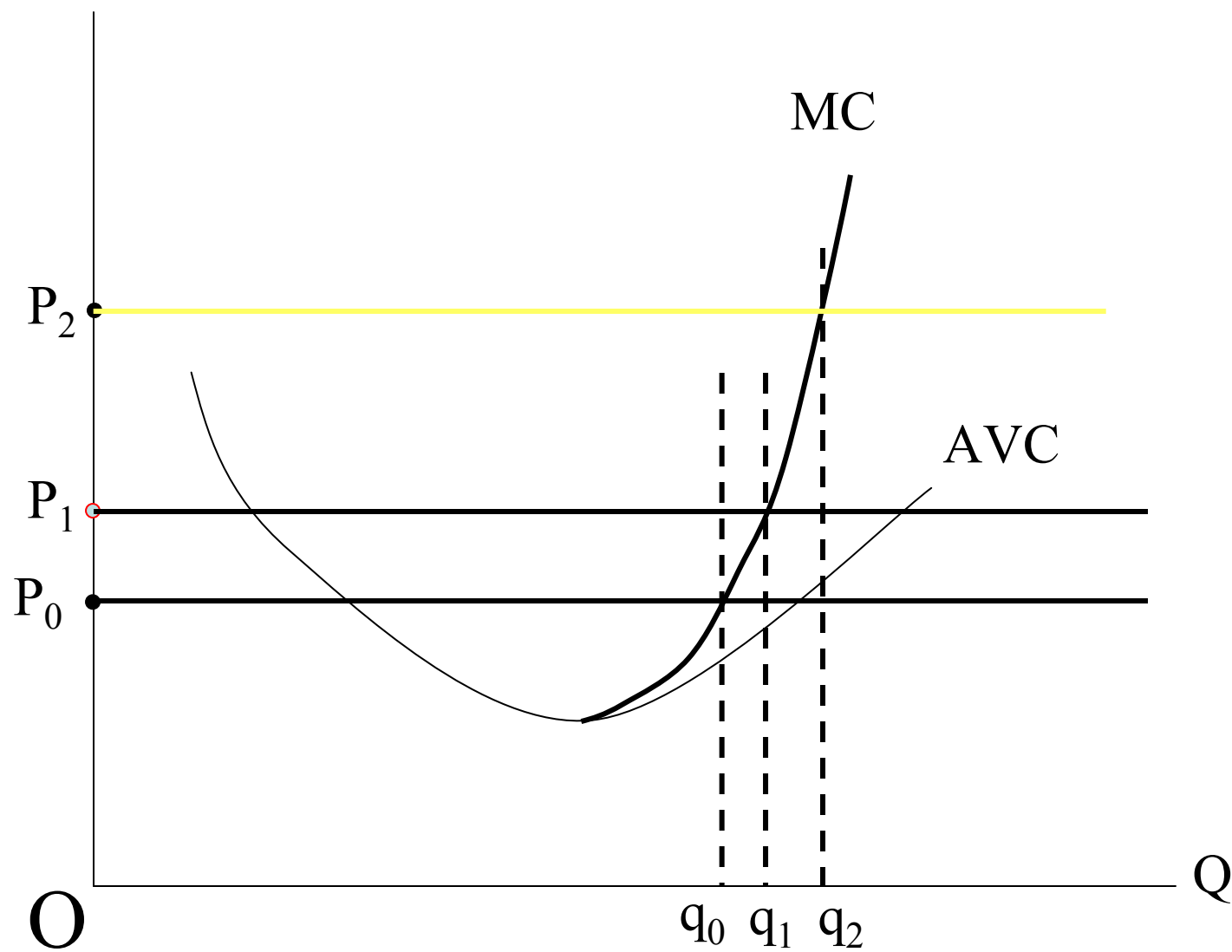
# AFC, AVC, AC, MC



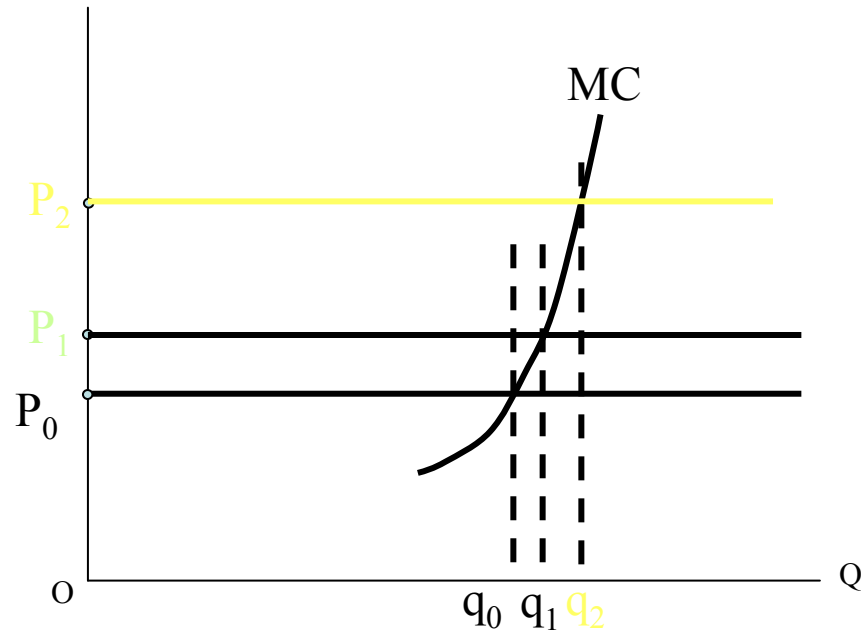
# AFC, AVC, AC, MC



# AFC, AVC, AC, MC



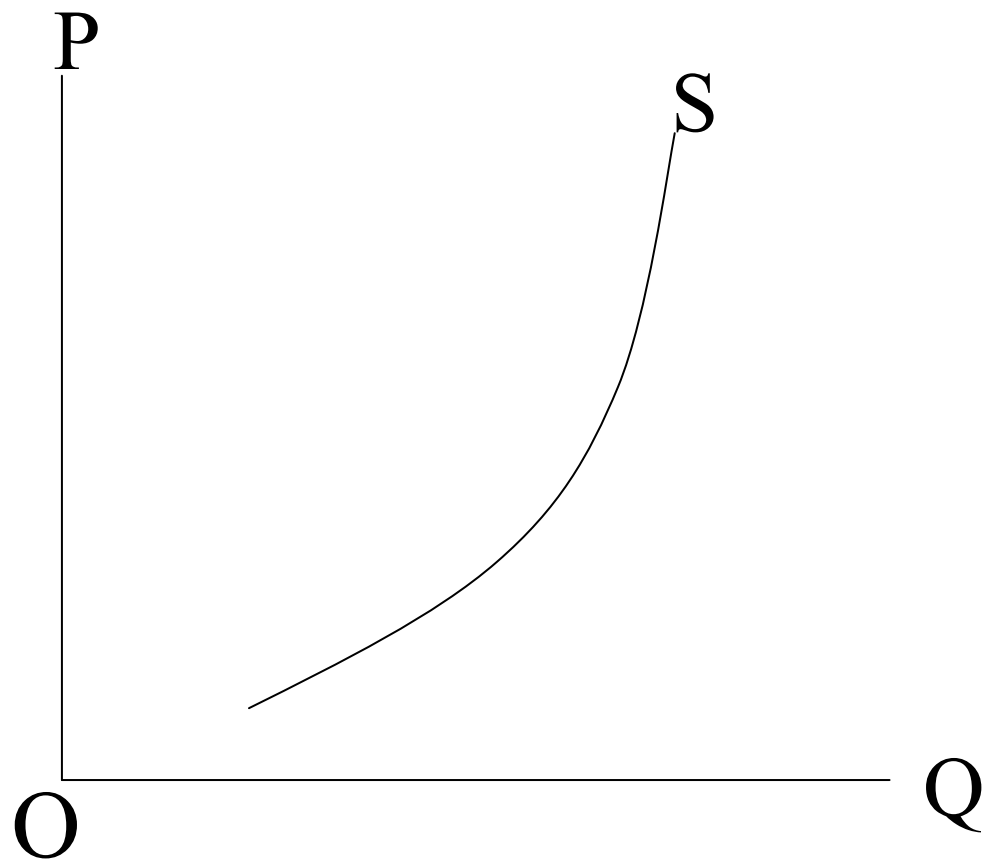
AFC, AVC, AC, MC



Đoạn MC nằm trên AVC thể hiện số lượng sản phẩm mà người sản xuất sẵn sàng cung ứng ra thị trường tương ứng với các mức giá cả khác nhau của sản phẩm đó.

... và được gọi là **đường cung sản phẩm** của người sản xuất.





Hình. Đồ thị qui ước về đường cung sản phẩm

### III. CUNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

#### 1) Khái niệm

Cung sản phẩm thể hiện số lượng sản phẩm mà người sản xuất sẵn sàng cung ứng ra thị trường tương ứng với các mức giá cả khác nhau của sản phẩm đó, trong điều kiện các nhân tố khác không đổi.

Đường cung sản phẩm (S) thực chất chính là đoạn MC nằm trên đường AVC.

Đường S thể hiện quan hệ thuận giữa P (giá sản phẩm) và Q (số lượng sản phẩm cung ứng).

Mối quan hệ thuận này được gọi là qui luật cung.

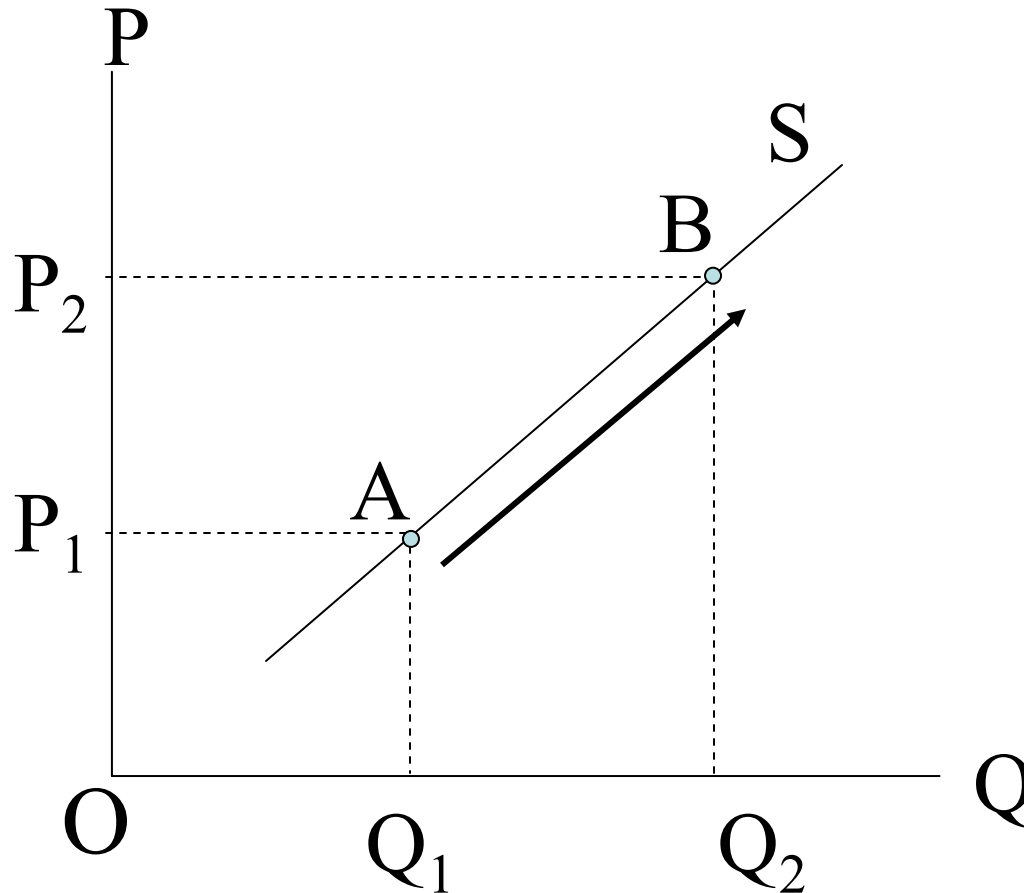
### III. CUNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

2) Sự thay đổi số lượng cung và sự dịch chuyển của đường cung.

Các nhân tố ảnh hưởng đến nông sản cung ứng ra thị trường:

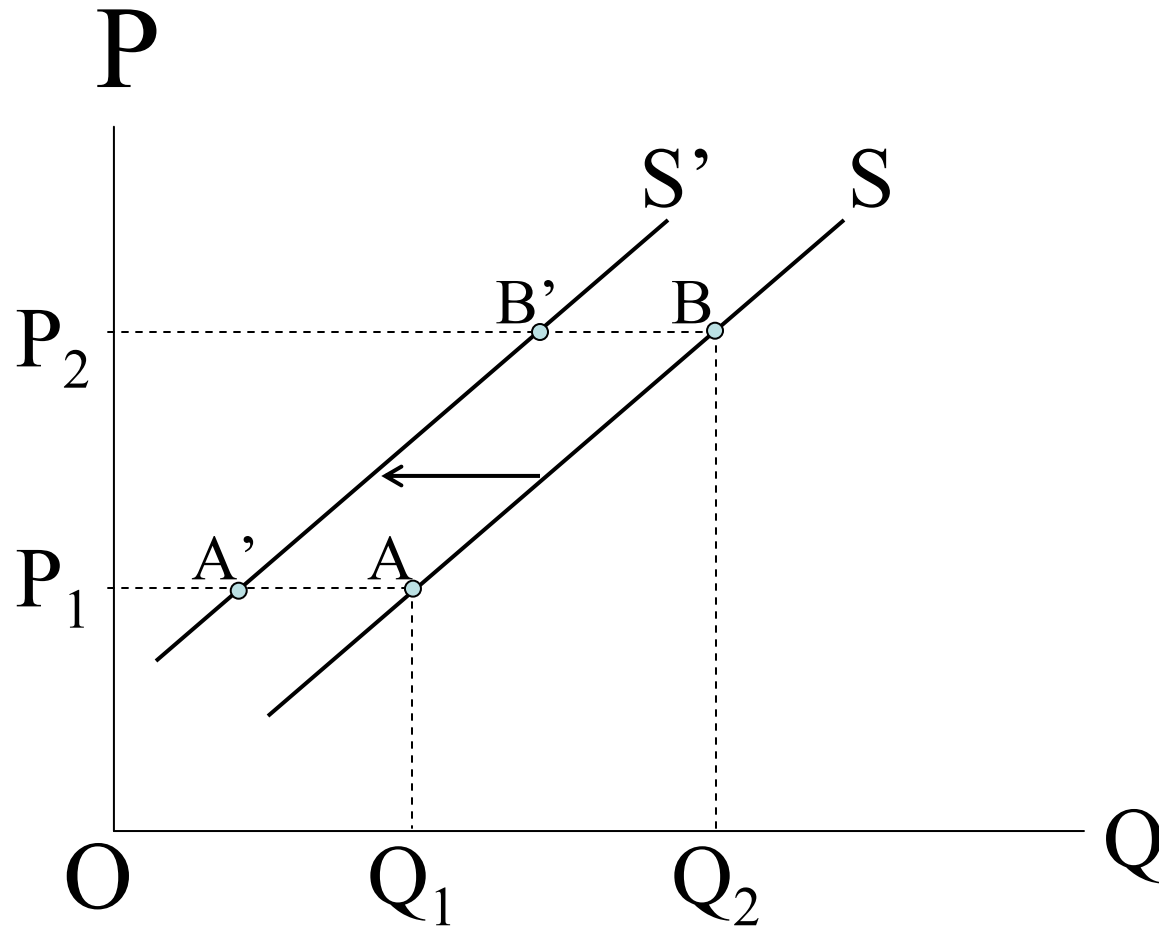
1. Giá cả sản phẩm
2. Thời tiết
3. Công nghệ
4. Giá cả đầu vào
5. Giá cả sản phẩm liên quan
6. Số người tham gia sản xuất
7. Chính sách của nhà nước

Sự thay đổi số lượng cung thể hiện lượng cung sản phẩm thay đổi khi giá sản phẩm thay đổi còn các nhân tố khác không đổi



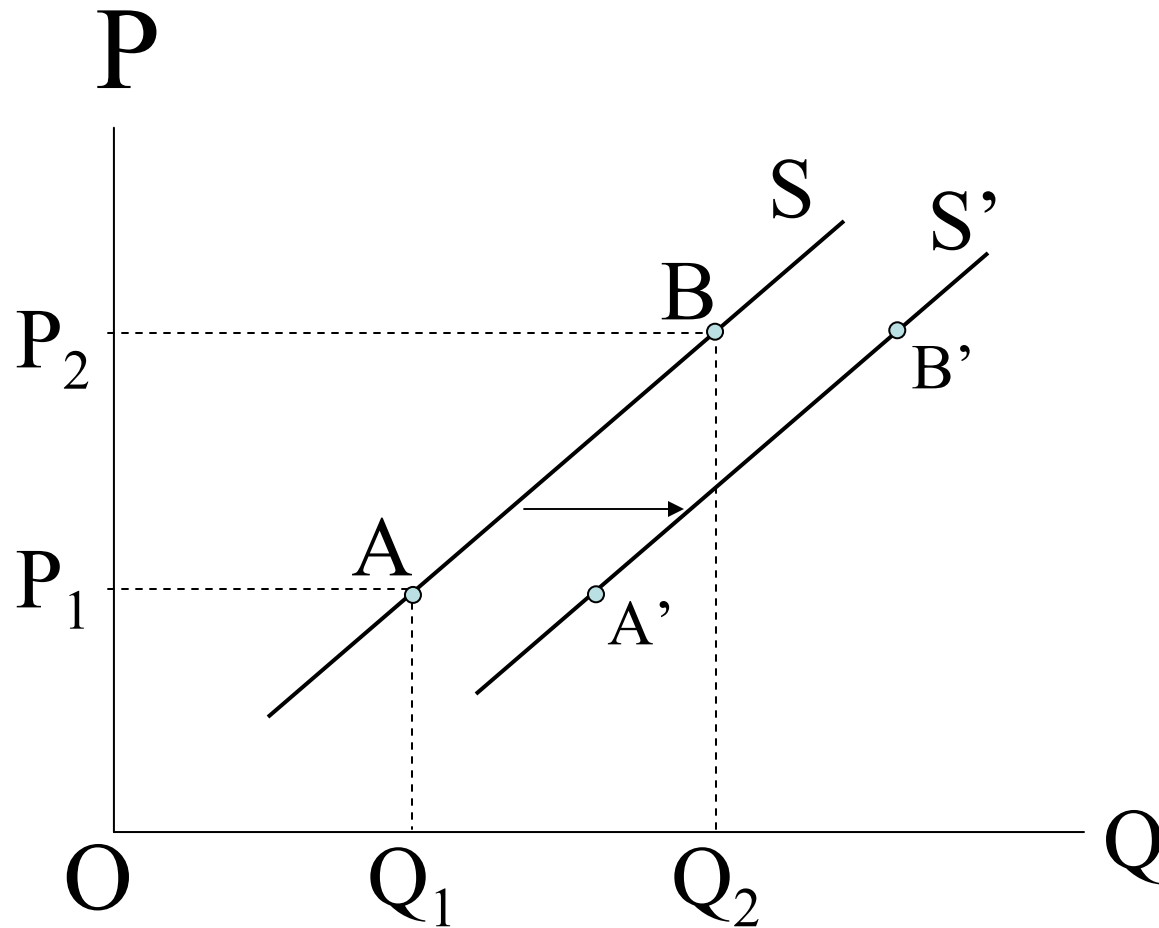
Về mặt trực quan, sự thay đổi số lượng cung thể hiện bằng một sự di chuyển từ điểm này đến điểm kia dọc theo đường cung (thí dụ từ A đến B), còn bản thân đường cung không thay đổi.

Khi các nhân tố từ 2. đến 7. thay đổi thì đường cung dịch chuyển. Thí dụ: thời tiết khô hạn ....

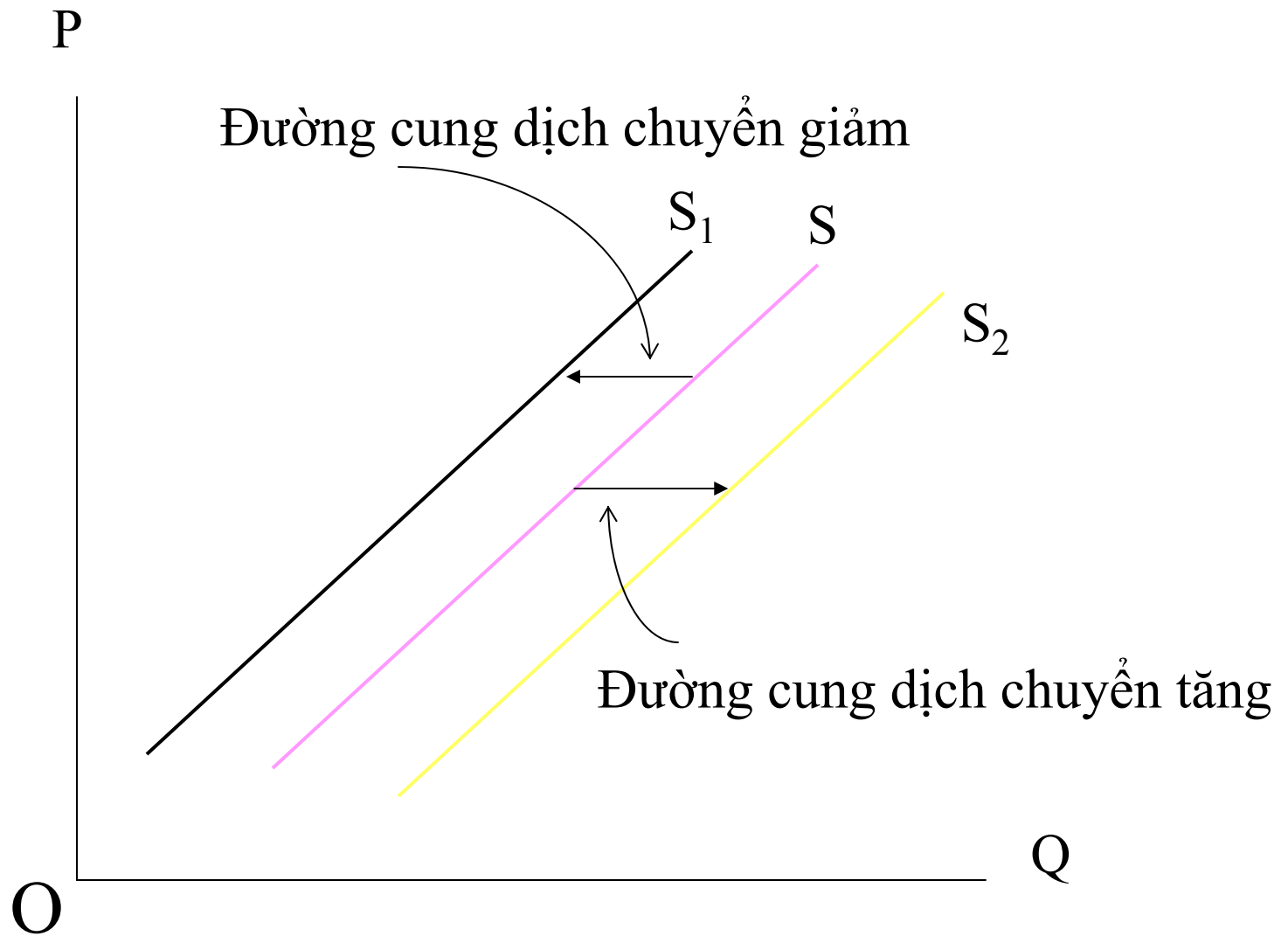


Hình. Đường cung dịch chuyển giảm

Khi các nhân tố từ 2. đến 7. thay đổi thì đường cung dịch chuyển. Thí dụ: công nghệ mới ....



Hình. Đường cung dịch chuyển tăng



Hình. Sự dịch chuyển của đường cung sản phẩm

### III. CUNG SẢN PHẨM NN

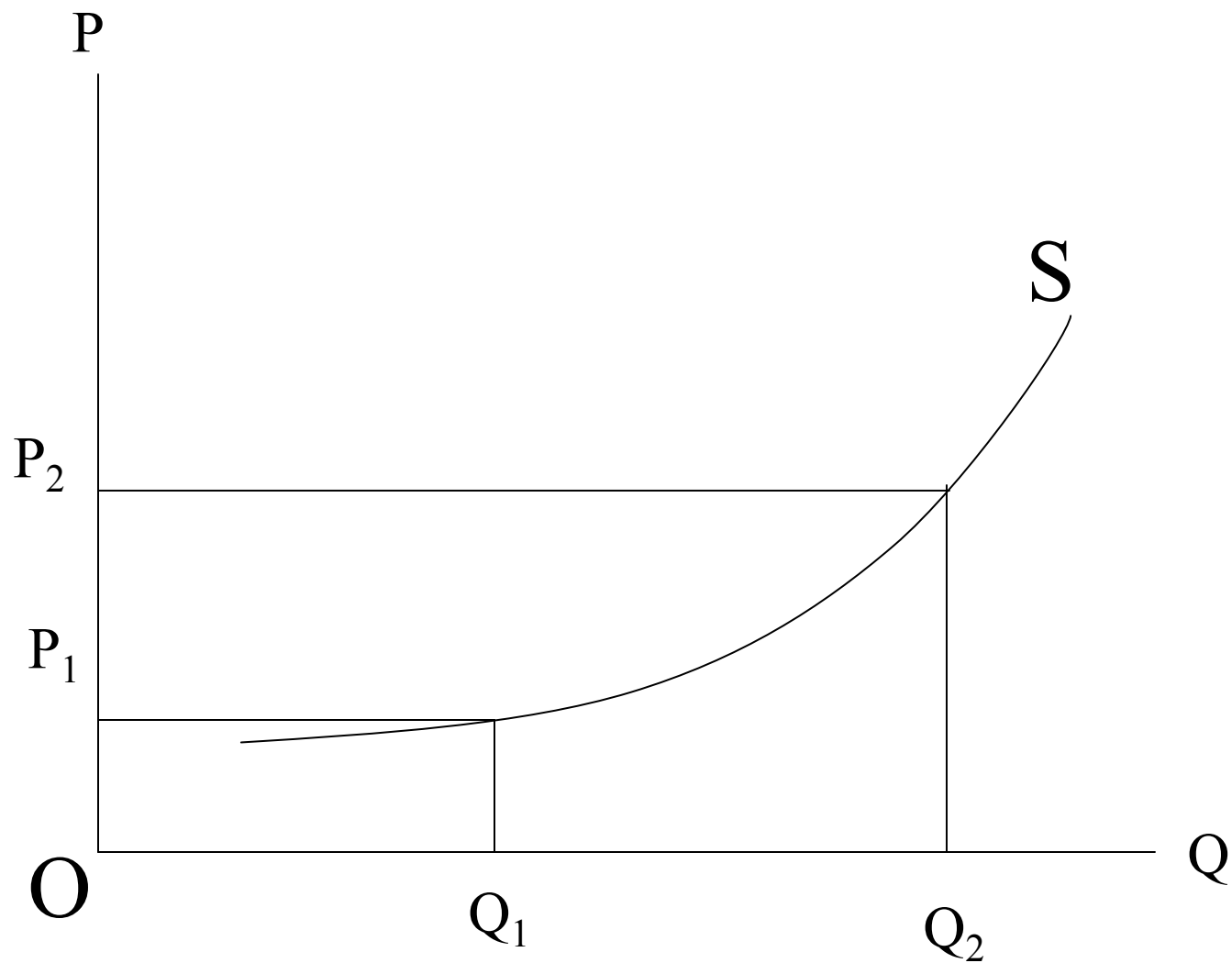
3) Hệ số co giãn cung theo giá

Cho biết mức % thay đổi về lượng cung khi giá thay đổi 1%.

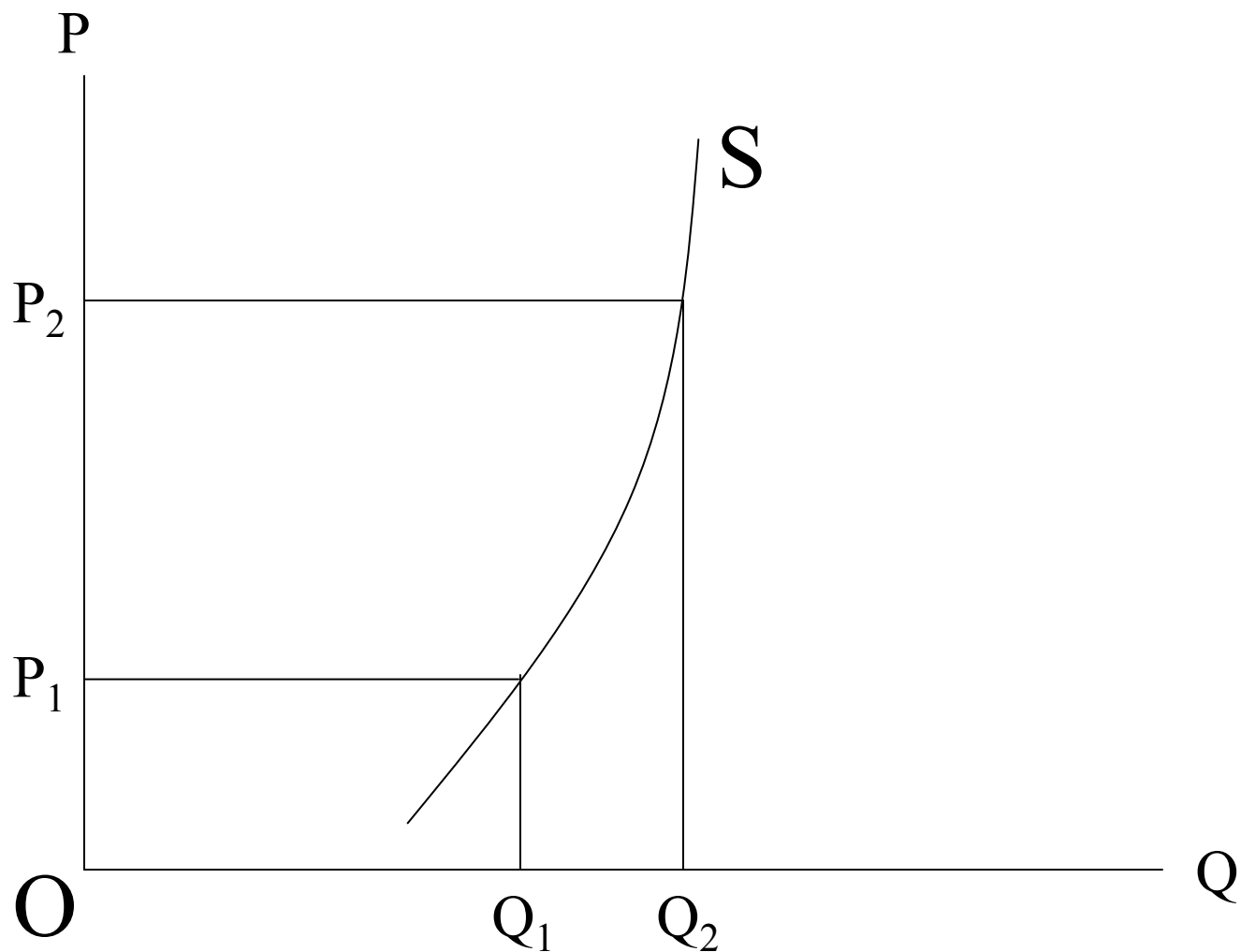
$$E_s = \frac{\% \Delta Q_i^s}{\% \Delta P_i}$$

Giúp xác định chính sách khuyến khích gia tăng sản lượng thông qua đòn bẩy giá cả có phù hợp không





Hình. Tác động của chính sách nâng giá sàn đến lượng sp cung ứng trong trường hợp cung sản phẩm co giãn theo giá.



Hình. Tác động của chính sách nâng giá sàn đến lượng sản phẩm cung ứng trong trường hợp cung sản phẩm ít co giãn theo giá.